

Số: /TTr-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2013

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ Giao thông vận tải đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự thảo Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (thay thế Nghị định 34/2010/NĐ-CP, Nghị định 71/2012/NĐ-CP, Nghị định 44/2006/NĐ-CP; Nghị định 156/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định)

Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ dự thảo Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sau đây viết gọn là Dự thảo Nghị định) với các nội dung như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt:

Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/4/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, Nghị định số 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2010/NĐ-CP; Nghị định số 44/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt, là cơ sở quan trọng cho các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường bộ, đường sắt; giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác theo dõi, áp dụng thi hành pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, góp phần quan trọng vào việc nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông. Trong quá trình thực hiện Nghị định một số quy định về hành vi vi phạm, mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt của một số chức danh được quy định trong các Nghị định không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 là cơ sở pháp lý quan trọng ban hành Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/04/2010 và Nghị định số 44/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 hiện đã được thay thế bằng Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012. Trong Luật có thay đổi các quy định về mức xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt của một số chức danh vv.. vì vậy, một số quy định quan trọng trong các Nghị định nói trên cần phải được điều chỉnh để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính và thực tiễn của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Kế hoạch triển khai và danh mục Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, giao Bộ Giao thông vận tải soạn thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Vì vậy, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt phải được quy định chung trong một Nghị định của Chính phủ.

Từ lý do trên việc ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt thay thế Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02/04/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, Nghị định số 71/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2010/NĐ-CP; Nghị định số 44/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. Quan điểm, căn cứ pháp lý, quá trình soạn thảo Nghị định

1. Quan điểm xây dựng Nghị định

Nghị định được nghiên cứu, soạn thảo trình Thủ tướng Chính phủ với quan điểm chủ đạo sau:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Giao thông đường bộ 2008, Luật đường sắt 2005; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các quy định của pháp luật liên quan; Nghị quyết Chính phủ, Chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông.

b) Kế thừa các quy định hiện hành của Nghị định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt đã được thực hiện ổn định, phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

c) Lựa chọn những quy định về xử phạt vi phạm hành chính ở hai lĩnh vực đường bộ và đường sắt có cùng nội dung để quy định chung cho cả hai lĩnh vực trong Dự thảo Nghị định.

d) Bổ sung sửa đổi một số quy định của Nghị định để phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt, mức phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả.

e) Quy định chế tài xử phạt tương ứng với tính chất và mức độ vi phạm, bảo đảm tính răn đe và khả thi mức xử phạt hành chính, hình thức xử phạt bổ sung, áp dụng biện pháp khắc tương xứng với hành vi vi phạm và khả thi khi thực hiện.

2. Căn cứ pháp lý xây dựng Nghị định

- Luật tổ chức Chính phủ;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Luật đường sắt năm 2005;
- Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Giao thông đường bộ, Luật đường sắt.

3. Quá trình soạn thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/03/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 3037/BGTVT ngày 26 tháng 11 năm 2012 thành lập Ban soạn thảo và Quyết định số 3045/BGTVT ngày 26 tháng 11 năm 2012 thành lập Tổ biên tập soạn thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Thành phần Ban soạn thảo gồm đại diện của các cơ quan: Văn phòng Chính phủ; Bộ Công an; Bộ Tư pháp; Thanh tra Chính phủ; Vụ Quốc phòng và An ninh - Văn phòng Quốc hội và Bộ Giao thông vận tải để xây dựng Dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở rà soát các quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, đối chiếu với các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và Luật Đường sắt năm 2005; tổng hợp những vướng mắc trong quá trình thực hiện các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, Bộ Giao thông vận tải đã rà soát, nghiên cứu và xây dựng Dự thảo Nghị định.

- Dự thảo Nghị định và Tờ trình được gửi tới các Bộ, ngành liên quan, các địa phương, các tổ chức đoàn thể xã hội để xin ý kiến góp ý và được đăng tải trên trang website của Bộ Giao thông vận tải từ tháng 12/2012 để xin ý kiến rộng rãi trong nhân dân. Các ý kiến tham gia góp ý cho Dự thảo Nghị định đã được Ban soạn thảo, Tổ biên tập nghiên cứu tiếp thu hoàn thiện Dự thảo Nghị định, tờ trình và xây dựng đề cương Báo cáo đánh giá tác động Dự thảo Nghị định.

- Dự thảo Nghị định, Dự thảo Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động đã được gửi Bộ tư pháp để thẩm định. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đã được Bộ Giao

thông vận tải (Ban soạn thảo và Tổ biên tập tiếp thu giải trình và hoàn thiện bộ hồ sơ Dự thảo Nghị định trình Thủ tướng Chính phủ).

III. Nội dung dự thảo Nghị định:

1. Tên gọi của Nghị định: Thực hiện Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Kế hoạch triển khai và danh mục Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ Giao thông vận tải xây dựng ***Nghị định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.***

2. Bố cục của Dự thảo Nghị định: gồm 5 Chương và 79 Điều:

- **Chương I. Quy định chung:** gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4) quy định chung cho cả hai lĩnh vực đường bộ và đường sắt về các nội dung: phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng.

- **Chương II. Hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ:** gồm 6 Mục và 35 Điều (từ Điều 5 đến Điều 39) các quy định hiện hành tại chương II của Nghị định số 34/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 71/2012/NĐ-CP được chuyển tải sắp xếp quy định trong Chương này:

+ Mục 1. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ: gồm 7 Điều (từ Điều 5 đến Điều 11) quy định về: xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe ô tô và các loại xe tương tự ô tô, người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng, người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ, người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ; xử phạt người điều khiển, dẫn dắt súc vật, điều khiển xe súc vật kéo vi phạm quy tắc giao thông đường bộ; xử phạt các hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ;

+ Mục 2. Vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: gồm 4 Điều (từ Điều 12 đến Điều 15) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng, khai thác, vi phạm về thi công, bảo trì công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ; vi phạm về xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ; các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Mục 3. Vi phạm quy định về phương tiện tham gia giao thông đường bộ: gồm 5 Điều (từ Điều 16 đến Điều 20) quy định về: xử phạt người điều khiển xe ô tô (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự ô tô, người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy, người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng; người điều khiển xe thô sơ vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông; xử phạt người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô vi phạm quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông;

+ Mục 4. Vi phạm quy định về người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ: gồm 2 Điều (Điều 21 và Điều 22) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới; xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng;

+ Mục 5. Vi phạm quy định về vận tải đường bộ: gồm 6 Điều (từ Điều 23 đến Điều 28) quy định về: xử phạt người điều khiển xe ô tô chở hành khách, ô tô chở người vi phạm quy định về vận tải đường bộ; xử phạt người điều khiển xe ô tô tải, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô vận chuyển hàng hóa; xử phạt người điều khiển xe ô tô có các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xử phạt người điều khiển xe ô tô có các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển chất gây ô nhiễm môi trường, hàng nguy hiểm; xử phạt người điều khiển xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời và xe chở hàng khác có các hành vi vi phạm quy định về hoạt động vận tải trong đô thị; xử phạt cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Mục 6. Các vi phạm khác liên quan đến giao thông đường bộ: gồm 11 Điều (từ Điều 29 đến Điều 39) quy định về: xử phạt cá nhân, tổ chức sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, sản xuất, bán biến số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép; xử phạt chủ phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ; xử phạt nhân viên phục vụ trên xe buýt, xe vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông; xử phạt hành khách đi xe vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông; xử phạt người điều khiển xe bánh xích; xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của cầu, đường (kể cả xe ô tô chở hành khách); xử phạt người đua xe trái phép, cở vũ đua xe trái phép; xử phạt người có hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ; xử phạt người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gắn biển số nước ngoài; xử phạt người điều khiển phương tiện đăng ký hoạt động trong Khu kinh tế thương mại đặc biệt; xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đào tạo, sát hạch lái xe; xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

- *Chương III: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt:* gồm 6 Mục và 30 Điều (từ Điều 40 đến Điều 69):

+ Mục 1. Vi phạm quy định về tín hiệu, quy tắc giao thông đường sắt và bảo đảm trật tự an toàn giao thông vận tải đường sắt: gồm 10 Điều (từ Điều 40 đến Điều 49) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm quy định về tín hiệu giao thông đường sắt; vi phạm quy định về lập tàu, thử hãm; vi phạm quy định về dồn tàu, chạy tàu, đón, gửi tàu; vi phạm quy định về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt; vi phạm quy định về điều độ chạy tàu; vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hãm; đường sắt; vi phạm quy định về phòng ngừa, khắc phục và giải quyết sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt; vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt;

+ Mục 2. Vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt: gồm 5 Điều (từ Điều 50 đến Điều 54) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt; vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt; vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt; vi phạm quy định quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt; vi phạm quy định về thi công công trình đường sắt;

+ Mục 3. Vi phạm quy định về phương tiện tham gia giao thông đường sắt: gồm 4 Điều (từ Điều 55 đến Điều 58) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện lưu hành của phương tiện giao thông đường sắt; vi phạm quy định về thông tin, chỉ dẫn cần thiết đối với phương tiện giao thông đường sắt; vi phạm quy định về thiết bị phanh, hãm, ghép nối đầu máy, toa xe; vi phạm quy định về trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt;

+ Mục 4. Vi phạm quy định đối với nhân viên đường sắt: gồm 6 Điều (từ Điều 59 đến Điều 64) quy định về: xử phạt nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm các quy định về giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn; Xử phạt nhân viên điều độ chạy tàu; trưởng tàu; phó tàu phụ trách an toàn; trực ban chạy tàu ga, trưởng đồn, gác ghi, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe; nhân viên tuần đường, cầu, hầm; nhân viên gác hầm, đường ngang, cầu chung vi phạm quy định về nồng độ cồn; xử phạt đối với nhân viên đường sắt làm nhiệm vụ trên tàu, dưới ga, quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt; xử phạt đối với lái tàu, phụ lái tàu; xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; xử phạt cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu vi phạm quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn;

+ Mục 5. Vi phạm quy định về kinh doanh đường sắt: gồm 3 Điều (từ Điều 65 đến Điều 67) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt; xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải đường sắt; xử phạt các hành vi vi phạm về làm, sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu;

+ Mục 6. Vi phạm khác có liên quan đến giao thông vận tải đường sắt: gồm 2 Điều (Điều 68 và Điều 69) quy định về: xử phạt các hành vi vi phạm quy định khác có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt; xử phạt người có hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ cho người thi hành công vụ.

- *Chương IV. Thẩm quyền, thủ tục xử phạt:* gồm 2 Mục và 8 Điều (từ Điều 70 đến Điều 77):

+ Mục 1. Thẩm quyền xử phạt: gồm 6 Điều (từ Điều 70 đến Điều 75) quy định về: phân định thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt; thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân; thẩm quyền xử phạt của Thanh tra giao thông vận tải; nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính;

+ Mục 2. Thủ tục xử phạt: gồm 2 Điều (Điều 76 và Điều 77) quy định về: thủ tục xử phạt đối với chủ phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ; tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm.

- *Chương V. Điều khoản thi hành:* gồm 2 Điều (Điều 78 và Điều 79) quy định về: hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

3. Một số nội dung được sửa đổi, bổ sung trong Dự thảo Nghị định:

a) Về hành vi vi phạm:

+ Sửa đổi, bổ sung, mô tả lại để làm rõ hơn đối với một số hành vi vi phạm; đặc biệt, sau khi có các ý kiến tham gia góp ý của nhân dân, đã nghiên cứu tiếp thu sửa đổi, bổ sung lại nội dung quy định về xử phạt đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy vi phạm quy định về đội mũ bảo hiểm nhằm giúp cho người sử dụng cũng như các lực lượng chức năng dễ nhận biết để thực hiện, đó là ngoài việc vẫn kế thừa quy định xử phạt đối với hai hành vi “*không đội mũ bảo hiểm*” và “*đội mũ bảo hiểm không cài quai đúng quy cách*”, trong Dự thảo Nghị định lần này sẽ bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi “*đội mũ có kiểu dáng giống mũ bảo hiểm nhưng không có đủ ba bộ phận vỏ mũ, đệm hấp thụ xung động bên trong vỏ mũ và quai đeo theo quy định*”.

+ Bổ sung quy định xử phạt đối với một số hành vi vi phạm chưa được quy định trong Nghị định hiện hành để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông như:

- Bổ sung quy định xử phạt đối với chủ xe ô tô khi giao hoặc để cho người làm công, người đại diện thực hiện công việc điều khiển phương tiện vi phạm một trong các hành vi: chở quá số người quy định, chở quá tải trọng, quá khổ giới hạn cho phép, điều khiển xe ô tô liên tục quá thời gian quy định.

- Bổ sung quy định xử phạt đối với cá nhân vi phạm hành vi: cố ý xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông; xâm phạm sức khỏe, tài sản của người bị nạn hoặc người gây tai nạn; lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi dục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

b) Về chế tài xử phạt:

+ Điều chỉnh lại mức phạt tiền đối với một số nhóm hành vi vi phạm cho phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, bảo đảm tính răn đe và khả thi khi thực hiện.

+ Đối với hành vi mà chỉ cá nhân hoặc tổ chức có thể vi phạm thì quy định một mức phạt tiền; đối với hành vi mà cá nhân và tổ chức đều có thể cùng vi phạm thì quy định thành 2 mức phạt tiền (mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân cùng thực hiện một hành vi vi phạm).

c) Về thẩm quyền xử phạt:

+ Sửa đổi, bổ sung các nội dung quy định về thẩm quyền xử phạt của các chức danh cho phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (như: bổ sung

thẩm quyền xử phạt của Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng phòng nghiệp vụ của các Cục Cảnh sát trực thuộc Bộ Công an, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

+ Quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt bằng tiền của các chức danh đối với từng lĩnh vực đường bộ, đường sắt.

+ Quy định cụ thể về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

IV. Các vấn đề còn có ý kiến khác nhau

1. Việc quy định xử phạt đối với chủ phương tiện vi phạm hành vi “không chuyển quyền sở hữu phương tiện theo quy định”. Có hai luồng ý kiến khác nhau như sau:

* **Ý kiến 1:** Cần tiếp tục quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm nói trên trong Dự thảo Nghị định lần này để buộc chủ phương tiện phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về đăng ký phương tiện. Tuy nhiên, cần mô tả lại hành vi vi phạm và điều chỉnh lại mức phạt cho phù hợp với quy định của Luật Giao thông đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật có liên quan.

* **Ý kiến 2:** Chưa quy định xử phạt đối với các hành vi vi phạm nói trên trong Dự thảo Nghị định lần này, vì: qua thực tiễn triển khai thực hiện Nghị định số 71/2012/NĐ-CP cho thấy tính khả thi của quy định này chưa cao, chưa nhận được sự đồng thuận của đại đa số quần chúng nhân dân; ngoài ra, các quy định hiện hành liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu phương tiện (đăng ký lại phương tiện sau khi được mua, được cho, được tặng, được thừa kế) còn chưa thật sự thuận lợi dẫn đến còn tồn đọng một số lượng lớn xe chưa chuyển quyền sở hữu.

Dự thảo Nghị định đang thể hiện theo ý kiến 2.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Bộ Giao thông vận tải kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Công an;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Lưu: VT, ATGT (3).

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng